

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12****BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU****Thời gian làm bài: 90 phút****I. ĐỌC HIỂU (4đ)**

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi kế tiếp

NGƯỜI LIỆT NỮ Ở AN ÁP

(Trích Truyện kì tân phá, Đoàn Thị Điểm)

Hoàng triều về đòi niên hiệu Vĩnh Thịnh, đòi Lê Dụ Tông có vị Tiến sĩ trẻ tên là Đinh Hoàn, hiệu Mặc Trai, người làng An Áp, tỉnh Nghệ An), cha mẹ mất sớm, ít anh em. Lớn lên, lập gia thất nhưng bà vợ đầu cứ sinh luôn con gái, nên ông lấy con gái Hà quan, họ Nguyễn làm vợ thiếp. Bà này nghi dung nhân nhã, ăn nói đoan trang, thâm thù, khâu vá rất lành nghề, lại có tài văn thơ nổi tiếng. Khi về nhà chồng tự sửa mình nghiêm chỉnh, rất có lễ độ với chồng. Đinh Hoàn vừa yêu, vừa kính trọng. Gặp những khi ở triều lui về rảnh việc, thường cùng với bà xướng hoạ văn thơ, hâm mộ các vị trung thần liệt nữ. Các bài xướng hoạ đã chép ở tập Quan thư hoà minh, nay không lục ra đây. Nhớ lại có một hôm về mùa xuân, ông ngủ dậy muộn, bà làm một bài thơ “thoát trầm”(3) có ý khuyên can.

Lược một bài thơ [...]

Ông xem thơ than rằng: “Lời thơ tao nhã, ngụ ý sâu xa, đời xưa khen Khương hậu)... và Từ phi(5) cũng chưa là tốt bực vậy”. Bèn vờ phu nhân đến, nhận lỗi từ tạ. Từ đó, ông vất tóc nhà côm(6), ăn muộn dậy sớm, trong hàng quan nổi tiếng là người cần mẫn. Đến năm Ất Tí, triều đình kén sứ thần đi Trung Quốc kết nối bang giao, quần thần cử ông sung vào chức ấy. Ông lại về nhà riêng, gọi phu nhân bảo rằng:

– Ta sinh vào thời Lê, nhận quan tước triều Lê, ăn bổng lộc triều Lê, đông, tây, nam, bắc vua sai đi đâu là đi đấy, nếu làm được hết phận sự không phụ lòng uỷ thác của nhà vua thì ta cũng lấy làm thoả mãn cái chí bình sinh của ta vậy. Suy nghĩ nàng liễu bỏ yếu ớt, vắng vẻ cô phòng, chặn sương gối tuyết gia lòng trinh, hoa xuân trắng thu gửi mối hận, nghĩ đến tâm tình ấy, càng thêm bồi hồi, đó là lòng ta quyến luyến vì nàng mà không sao dời đi được. Phu nhân nghe nói ngậm ngùi hồi lâu chứa chan mà rằng:

– Sứ mệnh cần lao, tang bồng khí khái, là phận sự của trượng phu. Thiếp nay không những là người không biết và cũng không dám can thiệp đến. Còn như bèo bọt chút thân, phấn hoa phận gái, như thiếp này thật không đáng kể. Duy có một điều đáng lo ngại là: lang quân thể chất vàng ngọc, dấn thân vào nơi giá lạnh, lên núi lội nước, gọi gió tắm mưa, tiêu điều nơi đất khách, vất vả phong trần, khi ấy mỗi người ở một nơi, thiếp này dù có can trường như sắt đá cũng không tài nào không mềm rũ được. Nói xong, nước mắt tràn xuống như mưa. Ông nhiều lần vỗ về nhưng phu nhân do lòng lo buồn mà sinh bệnh. Ông rất lấy làm áy náy nhưng vì việc nước rất cần nên đành phải tạm khuây khoả.

(Tóm tắt đoạn lược: Đến kì đăng trình, trăm quan làm lễ tiễn hành, người nhà ông đi theo đến trạm Lữ tư tạm nghỉ lại. Phu nhân nâng chén rượu làm bài thơ tặng chồng, trước khi đi, chồng có tặng cho bà cái la y, bà quyến luyến nửa mê nửa tỉnh. Đinh Hoàn đi sứ đi qua nhiều nơi, mỗi nơi đều để vịnh thơ. Thơ ông hay và được so sánh với thơ của những bậc danh nhân: Lý Bạch (7) Hạ Tri Chương (8), Mạnh Giao (9), Thiệu Lăng(10) Vệ Giới(11),... Đường đi gian nan, vì sức yếu lại lo lắng thương tâm trước cái chết của những người đi cùng nên ông đã mất tại Yên Kinh. Trước khi mất, ông chỉ băn khoăn việc nước chưa lo trọn vẹn. Biết tin chồng mất, phu nhân thương tiếc làm một bài văn tế ca ngợi công đức của chồng và bày tỏ tình cảm sâu sắc, nguyện hi sinh theo chồng.)

Thấy lời lẽ bài văn tế ấy là bà có ý quyên sinh, mọi người đều đã khuyên giải:

- Phu nhân ngày thường vốn nổi tiếng là người thông tuệ. Sao nay cố chấp quá như thế. Nay, vợ chồng dẫu là đạo cả nhưng âm dương hai ngã khác nhau. Cho

nên nàng Lục Chân(12) tự gieo mình xuống lầu, chưa chắc theo được chồng; người trinh nữ đứng trên núi hoá đá, cũng chỉ là vô ích. Huống chi sứ quân chết về việc nước, phu nhân cần gì phải làm cho mai tàn, liễu úa, nát ngọc chìm châu. Nếu vậy không phải là tấm lòng trung của sứ quân lúc ngày thường vậy. Phu nhân gạt nước mắt mà rằng:

- Vị vong nhân này không dám mua cái tiếng chặt vai khoét mắt đâu, chỉ vì xuân về hoa héo, lòng chết hình còn, không tưởng gì đến nhân gian nữa.

Người nhà thấy khuyên giải không ăn thua gì, có ý để phòng cẩn thận không rời phu nhân một bước. Một hôm, phu nhân đốt đèn ngồi một mình, khi ấy là mùa thu muộn, giờ vàng hiu hắt, cây khuya xào xạc, sáu tường nỉ non, tiếng đập vải lạnh lùng như giã vào lòng người cô phụ, trăng sông như rơi vào giọt lệ Vương sinh.

Nỗi thương tâm khiến phu nhân đờ đẫn, nhìn đâu cũng toàn thấy cảm sau. Phu nhân càng thêm thê thảm, gục xuống bàn mà nước nỡ khiến cõi lòng chìm sâu vào cõi mê. Trong cơn dật dờ đó, thấy một người khăn vuông đai rộng từ xa đến gần, nhìn kĩ hoá ra chính là chồng vậy. Phu nhân đón chào, mừng quá chảy nước mắt mà rằng:

- Từ khi cách biệt đã bốn năm rồi, biết bao nỗi bị sầu, mộng hồn tản mát, không nơi nào là không tìm đến tung tích lang quân, ấy thế mà lang quân chẳng có đoái hoài gì đến thiếp. Nếu bảo rằng trần gian và thiên thượng hai nơi cách biệt, thì sao Thuần phi (13) có hội ngộ, Chức Nữ (4) lại tương phùng, vậy thì lang quân đối với thiếp rất là bạc tình!

Ông buồn nét mặt mà rằng:

– Ta từ khi về châu thiên đình, được trông coi về việc bút nghiên, nơi thiên tào công việc nhiều, không có thì giờ đến thăm nàng, còn tấm lòng khăng khít thủy chung này không bao giờ thay đổi.

Phu nhân muốn lưu ông ở lại tự tình. Ông vỗ về nói:

– Chết sống là lẽ thường xưa nay, hợp tan là tuần hoàn việc thế. Vì Ngọc Tiên(15) có duyên tái hợp, Dương Thái Chân(16) cơ ước lai sinh. Vì Ngọc phải bỏ phiến về nơi học lãnh gương tan, cái ngày chúng ta gặp nhau sắp đến rồi. Nói xong, có một trận thanh phong, không biết ông biến đi đâu mất. Phu nhân thương khóc chột tình dậy, sai thị nữ ra xem trời đất chỉ thấy sương mù trắng mờ, đêm đã gần sáng rồi.

Từ đó phu nhân lại càng có ý quyên sinh nhưng chưa có dịp. Đến ngày lễ tiểu tường (17) ông, người nhà bận việc, phu nhân ở trong buồng xé cái áo mà ngày trước ông tặng tự thắt cổ đến chết. Đến khi người nhà biết thì phu nhân đã tắt thở rồi. Cả nhà thương cảm, tống táng theo tang lễ. Việc ấy tâu lên, triều đình cho lập đền thờ, đề bảng nêu ra cửa, khắc chữ: “Trinh liệt phu nhân từ ban cấp tử điện” bốn mùa có tế lễ, người làng cầu đảo đều có linh ứng.

(Lược một đoạn...)

Vài năm sau, có người thư sinh họ Hà đi viễn cảnh đến đền Liệt nữ, làm bài thơ ca ngợi phu nhân nhưng tỏ ý không coi trọng Đinh Hoàn. Phu nhân đã mời thư sinh đến tranh luận và đưa ra lí lẽ để bảo vệ Đinh Hoàn, cho rằng ông là người sống trung nghĩa, chết vì non sông, đáng trân trọng.

(Nguyễn Đăng Na, Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, NXB Giáo dục, 2001)

(1) Vĩnh Thịnh: Niên hiệu của Lê Dụ Tôn.

(2) Nay thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Thoát trâm: trút cái trâm cài đầu. Chu Tuyên vương thường dậy muộn, bà Khương hậu rút bỏ trâm cài đầu và hoa đeo tai, đứng ở Vĩnh Hạng để can vua. Tuyên vương cảm ngộ, từ đó ra chầu thật sớm, làm nên nghiệp Trung Hưng.

(4) Khương hậu: Vợ Chu Tuyên vương.

(5) Từ Phi: Vợ Dương Thái Tông.

(6) Vắt tóc, nhả cơm: Chu công đang gội đầu có hiền sĩ đến, ba lần vắt tóc cho khô để ra tiếp, đang ăn cơm, có hiền sĩ đến, ba lần nhả miếng cơm ra để đón khách.

(7) Thi nhân danh tiếng thời Đường.

(8) Thi nhân danh tiếng thời Đường.

(9) Thi nhân danh tiếng thời Đường.

(10) Thiệu Lăng: Đỗ Phủ, vì ông ở Thiệu Lăng cho nên người ta gọi là Đỗ Thiệu Lăng, thơ ông hay nhất thời Đường.

(11) Vệ Giới: Người đời Tấn, từ nhỏ nổi tiếng là con người ngọc, sau thích bàn về huyền lí.

(12) Nàng Lục Chân là thiếp yêu của Thạch Sùng rất đẹp. Khi Sùng bị Tôn Tú bắt, nàng nhảy từ trên lầu xuống chết.

(13) Thuần phi: Vợ vua Thuán, Nga Hoàng và Nữ Anh hai chị em (con vua Nghiêu) đều lấy Thuần, khi mất làm thần sông Tương.

(14) Chức Nữ: Tích “Ngưu Lang, Chức Nữ”, hằng năm được gặp nhau một lần vào ngày 7 tháng 7

(15) Vi Ngọc Tiên: Đời Đường, Vi Cao lúc hàn vi, ở trọ nhà họ Khương, chung tình với nàng Ngọc Tiên và tặng nàng một cái vòng tay, hẹn 7 năm đến cưới làm vợ. Quá hạn không đến, nàng tự sát.

(16) Dương Thái Chân: Dương Quý phi bị chết ở núi Mã Ngôi, sau lại tái sinh cùng với Đường Minh Hoàng kết làm vợ chồng lần nữa.

(17) Lễ tiểu tường: Lễ tang chẵn một năm, cũng gọi là luyện tể.

* Đoàn Thị Điểm (1705 – 1749), hiệu: Hồng Hà nữ sĩ, là nữ sĩ Việt Nam thời Lê Trung Hưng. Bà là tác giả tập Truyền kì tân phả (chữ Hán) và tác giả của truyện thơ Chinh phụ ngâm (bản chữ Nôm – 412 câu thơ). Bà là người được đánh giá là bậc nhất về sắc đẹp lẫn tài văn trong những nữ sĩ danh tiếng nhất, bên cạnh Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan và Sương Nguyệt Anh.

Câu 1. Xác định những dấu hiệu đặc trưng của truyện truyền kì trong văn bản Người liệt nữ ở An Ấp (0,5đ)

Câu 2. Truyện Người liệt nữ ở An Ấp có những sự việc nào? Sự việc chính nào thể hiện vẻ đẹp của nhân vật chính?(0,5đ)

Câu 3. Phân tích vẻ đẹp nổi bật ở nhân vật chính. Nêu nhận xét của em về sự việc quyên sinh của phu nhân ở gần cuối tác phẩm (1đ)

Câu 4. Phân tích ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong tác phẩm và cho biết: Chúng có vai trò như thế nào trong việc khắc họa nhân vật chính (1đ)

Câu 5. Nhận xét đặc điểm ngôn ngữ của tác phẩm và cho biết: Đoạn nào thể hiện rõ nhất đặc điểm ngôn ngữ ấy (1đ)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. Từ đó, nhận xét về thái độ, tình cảm mà tác giả Đoàn Thị Điểm dành cho người phụ nữ trong xã hội xưa. Em có đồng ý với quan điểm đó không? (Trả lời thành đoạn văn có độ dài từ 200 chữ) (2đ)

Câu 2. So sánh, đánh giá hình tượng nhân vật nữ chính ở hai tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ (đã học ở lớp 9 – 3 bộ SGK) và Người liệt nữ ở An Ấp của Đoàn Thị Điểm (4đ)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.